

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC KẠN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 /2024/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 20 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí về số lượng thành viên
Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; một số mức chi cho lực lượng tham gia
bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ X, KỲ THỨ 20 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; một số mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; một số mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 75/BC-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; một số mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.
- b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tiêu chí thành lập và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

Thành lập ở thôn, tổ dân phố:

a) Đối với thôn có từ 150 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 200 hộ gia đình trở lên: Thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

b) Đối với thôn, tổ dân phố không thuộc trường hợp tại điểm a khoản này: Thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có phạm vi hoạt động tại một số thôn, tổ dân phố (*tối thiểu 03 thôn, tổ dân phố; tối đa 06 thôn, tổ dân phố*).

2. Tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

a) Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có phạm vi hoạt động tại 01 thôn, tổ dân phố gồm: 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó, 01 Tổ viên.

b) Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có phạm vi hoạt động tại một số thôn, tổ dân phố gồm: 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và Tổ viên. Số lượng thành viên không quá tổng số thôn, tổ dân phố; đảm bảo mỗi thôn, tổ dân phố có 01 thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự. Đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có phạm vi hoạt động tại một số thôn, tổ dân phố có số lượng Công an viên, Bảo vệ dân phố, Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng hiện có nhiều hơn số lượng thôn, tổ dân phố thì tiếp tục được bố trí vào Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đó.

Điều 3. Mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Mức hỗ trợ hằng tháng (*bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm y tế*):

- a) Tổ trưởng: 1.250.000 đồng/người/tháng.
- b) Tổ phó: 1.100.000 đồng/người/tháng.
- c) Tổ viên: 1.000.000 đồng/người/tháng.

Trường hợp những người đảm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn khi kiêm nhiệm thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (*bao gồm cả Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên*) thì được hưởng 60% mức hỗ trợ quy định tại các điểm a, b, c khoản này.

2. Bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi làm việc từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động: Tối đa 80.000 đồng/người/ngày và không quá 1.500.000 đồng/người/năm.

3. Hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh và hỗ trợ tiền ăn hàng ngày trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức khỏe ra viện cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ: Hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh như mức hưởng bảo hiểm y tế cho đối tượng này khi tham gia bảo hiểm y tế và hỗ trợ tiền ăn bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân.

4. Hỗ trợ cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ:

a) Trường hợp bị tai nạn: Trong thời gian điều trị tai nạn được hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh và hỗ trợ tiền ăn hàng ngày, kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện như quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này.

b) Trường hợp tai nạn dẫn đến chết: Thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất 5.000.000 đồng; người lo mai táng được nhận tiền mai táng phí 15.000.000 đồng.

Điều 4. Bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, d, đ, khoản 1 Điều 26 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn có liên quan. Hằng năm, căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp trình HĐND cùng cấp quyết định phân bổ dự toán ngân sách (*chi thường xuyên*) để thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Kinh phí đảm bảo

Kinh phí đảm bảo các nội dung chi tại Nghị quyết này từ nguồn ngân sách của địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành. Cụ thể:

1. Đối với nội dung tại khoản 1 Điều 3: Ngân sách cấp tỉnh chi trả.
2. Đối với nội dung tại khoản 2 Điều 3: Cấp nào triệu tập thì ngân sách cấp đó chi trả.
3. Đối với nội dung tại khoản 3 khoản 4 Điều 3: Ngân sách cấp huyện chi trả.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 20 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Công an; Bộ Nội vụ;
- Văn phòng; Cục Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; Cục Pháp chế và CCHC, tư pháp (Bộ Công an);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT. Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh